

BỘ ĐẶT THỜI GIAN LCD (BỘ ĐẾM GIỜ) CHỈ HIỂN THỊ, KÍCH THƯỚC DIN W48×H24MM

Nâng cấp

■ Đặc điểm

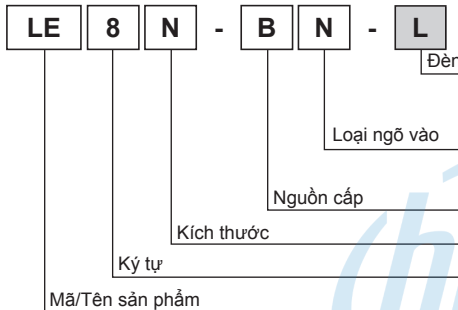
- Các đặc điểm được nâng cấp:
 - Ngõ vào có điện áp, Model có đèn nền, các thông số thời gian
- Không cần nguồn bên ngoài (vì có pin bên trong)
- Loại Ngõ vào tín hiệu: Không điện áp, Có điện áp, Điện áp tự do
- Chân kết nối bắt ốc (Có vỏ bảo vệ chân nối)
- Hiển thị LCD
- Cấu trúc bảo vệ IP66



⚠ Vui lòng đọc kỹ "Chú ý an toàn cho bạn" trong hướng dẫn hoạt động trước khi sử dụng thiết bị.



■ Thông tin đặt hàng



※ Phần nền tô đậm () là bộ phận được nâng cấp hay chức năng mới được bổ sung thêm vào.

Đề trống	Không có
L	Chức năng đèn nền
N	Ngõ vào không có điện áp (tín hiệu nhỏ)
V	Ngõ vào có điện áp
F	Ngõ vào có điện áp tự do
B	Tích hợp pin lithium bên trong
N	DIN W48×H24mm
8	99999999 (8 chữ số)
LE	Bộ đặt thời gian LCD

■ Thông số kỹ thuật

Mã Model	LE8N-BN	LE8N-BN-L	LE8N-BV	LE8N-BV-L	LE8N-BF
Ký tự	8 chữ số (0 ~ 99999999)				
Kích thước chữ số	W3.4 × H8.7mm				
Phương thức hiển thị	Loại LCD xóa chữ số 0 (chiều cao ký tự: 8.7mm)				
Cách thức hoạt động	Đếm lên				
Nguồn cấp	Tích hợp pin bên trong				
Tuổi thọ pin	Khoảng hơn 10 năm ở 20°C				
Nguồn cấp đèn nền	—	24VDC±10%	—	24VDC±10%	—
Loại ngõ vào	Ngõ vào không điện áp		Ngõ vào có điện áp		Ngõ vào có điện áp tự do
Ngõ vào đếm (Bộ đếm)	Điện áp dư: Max. 0.5VDC Trở kháng ngắn mạch: Max. 10kΩ Trở kháng hở mạch: Min. 750kΩ		Điện áp mức "H": 4.5-30VDC Điện áp mức "L": 0-2VDC		Điện áp mức "H": 24-240VAC/6-240VDC Điện áp mức "L": 0-2VAC/0-2.4VDC
Ngõ vào RESET	Ngõ vào không điện áp		Ngõ vào có điện áp		Ngõ vào không điện áp
Độ rộng tín hiệu Min.	NGÕ VÀO TÍN HIỆU, Ngõ vào RESET: Min. 20ms				
Đặc tính thời gian (TS1)	99995959 (h.m.s), 99999599 (h.m), 99999959 (h.m)				
Đặc tính thời gian (TS2)	99992359 (d.h.m), 9999d239 (d.h), 99999999 (s)				
Đặc tính thời gian (TS3)	9999h599 (h.m), 99999h59 (h.m), 999999h (h)				
Sai số thời gian	±0.01% (Sai số thời gian, Sai số nhiệt độ)				
Công tắc cài đặt bên ngoài	SW1 ^{*1} , SW2 ^{*2} , SW3 ^{*3}				
Trở kháng cách ly	Min. 100MΩ (sóng kể mức 500VDC)				
Độ bền điện môi ^{*4}	2,000VAC 60Hz trong 1 phút				
Chấn động	Cơ khí	Biên độ 0.75mm ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 1 giờ			
	Sự cố	Biên độ 0.3mm ở tần số 10~55Hz (trong 1 phút) theo mỗi phương X, Y, Z trong 10 phút			
Va chạm	Cơ khí	300m/s ² (khoảng 30G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần			
	Sự cố	100m/s ² (khoảng 10G) theo mỗi phương X, Y, Z trong 3 lần			
Môi trường	Nhiệt độ	-10~55°C, bảo quản: -25~65°C			
	Độ ẩm	35~85%RH, bảo quản: 35~85%RH			
Bảo vệ	IP66 (sử dụng cao su chống nước cho phần mặt bằng phía trước)				
Phụ kiện	Giá đỡ lắp đặt, Vòng chống nước bằng cao su				
Chứng nhận	CE, C, UL				
Trọng lượng ^{*5}	Khoảng 96g (khoảng 50g)				

※1: SW1 là công tắc cài đặt Enable/Disable phím RESET ở mặt trước.

※2: SW2: công tắc cài đặt dải thời gian.

※3: SW3 dùng để lựa chọn đặc tính thời gian TS1, TS2 hoặc TS3.

※4: Ngõ vào không điện áp, ngõ vào có điện áp: giữa các chân đầu nối và vỏ hộp / Ngõ vào có điện áp tự do: giữa chân ngõ vào có điện áp tự do và chân ngõ vào RESET, giữa các chân đầu nối và vỏ hộp.

※5: Trọng lượng đóng gói và trọng lượng trong dấu ngoặc đơn là chỉ riêng trọng lượng sản phẩm.

※ Không dùng sản phẩm trong môi trường ngưng tụ hoặc đông đặc.

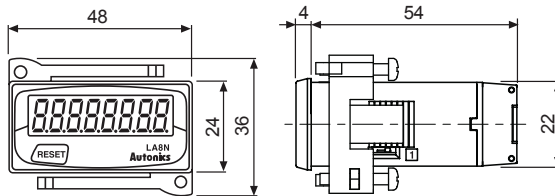
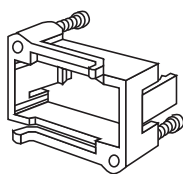
■ Kết nối

Loại ngõ vào	Không có đèn nền	Chức năng đèn nền
Loại ngõ vào không có điện áp	<p>•LE8N-BN*¹</p>	<p>•LE8N-BN-L*²</p>
Loại ngõ vào có điện áp	<p>•LE8N-BV*¹</p>	<p>•LE8N-BV-L*²</p> <p>※Nguồn đèn nền như là một ngõ vào tín hiệu (NGÕ VÀO TÍN HIỆU, RESET).</p>
Loại ngõ vào có điện áp tự do	<p>•LE8N-BF</p> <p>※Các chân (1, 2) và (4, 5) được cách ly bên trong.</p>	

※1: Các chân 2 và 5 được nối bên trong với nhau. (Không được cách ly) ※2: Các chân (1, 2) và (4, 5) được cách ly bên trong.
 ※Dùng loại tiếp điểm đảm bảo đủ để tải dòng 5mA.

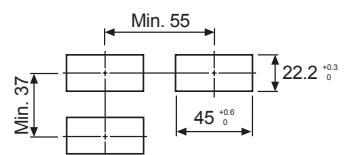
■ Kích thước

● Giá đỡ

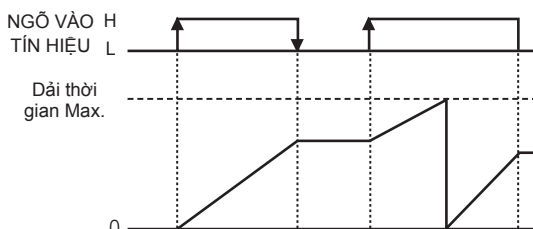


● Mặt cắt bảng lắp

(đơn vị: mm)



■ Hoạt động định thời

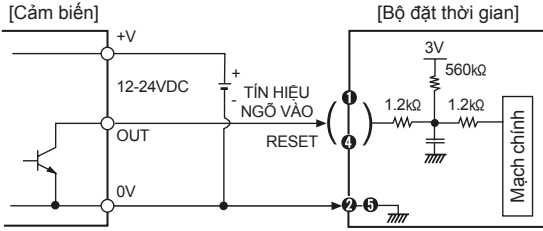


- (A) Photo electric sensor
- (B) Fiber optic sensor
- (C) Door/Area sensor
- (D) Proximity sensor
- (E) Pressure sensor
- (F) Rotary encoder
- (G) Connector/ Socket
- (H) Temp. controller
- (I) SSR/ Power controller
- (J) Counter
- (K) Timer
- (L) Panel meter
- (M) Tacho/ Speed/ Pulse meter
- (N) Display unit
- (O) Sensor controller
- (P) Switching mode power supply
- (Q) Stepper motor& Driver&Controller
- (R) Graphic/ Logic panel
- (S) Field network device
- (T) Software
- (U) Other

■ Kết nối với ngõ vào

◎ Ngõ vào không có điện áp (cảm biến chuẩn: Loại ngõ ra NPN collector hở)

● Ngõ vào bán dẫn (Solid-state)



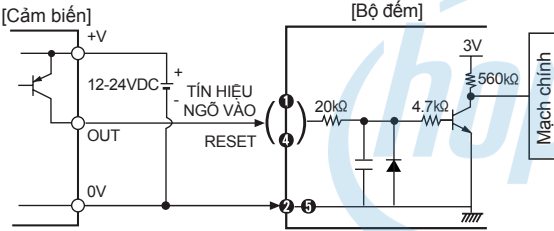
※ Khi cấp nguồn vào chân số ① và ④, thì mạch đấu nối chân ngõ vào có thể bị hư và xảy ra sự cố.
(Không thể sử dụng được loại cảm biến ngõ ra NPN, ngõ ra PNP, ngõ ra PNP collector hở)

※ Chân ② và ⑤ được kết nối bên trong.

※ Đối với model chức năng đèn nền: chân ①, ③ là chân đấu nối ngõ vào và chân ② là chân GND.

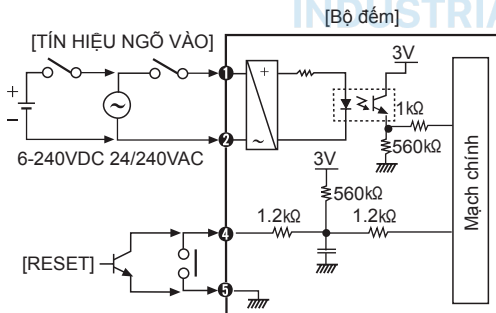
◎ Ngõ vào có điện áp (cảm biến chuẩn: Loại ngõ ra PNP collector hở)

● Ngõ vào bán dẫn (Solid-state)

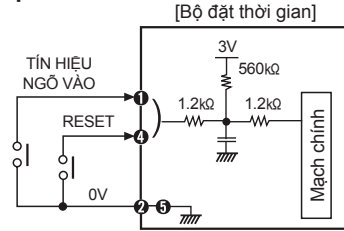


※ Đối với model chức năng đèn nền: chân ①, ③ là chân đấu nối ngõ vào và chân ② là chân GND.

◎ Ngõ vào có điện áp tự do

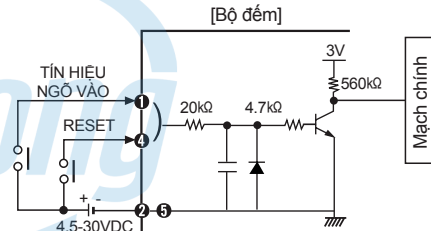


● Ngõ vào tiếp điểm



※ Hãy dùng loại tiếp điểm đảm bảo đủ để tải dòng 3VDC 5μA.

● Ngõ vào tiếp điểm

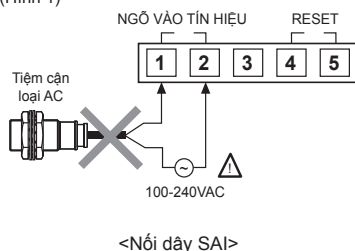


※ Hãy dùng loại tiếp điểm đảm bảo đủ để tải dòng 3VDC 5μA.

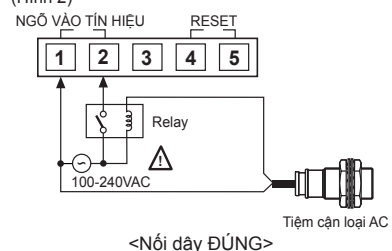
◎ Ngõ vào từ cảm biến tiệm cận loại AC

Trường hợp là loại ngõ vào có điện áp tự do, không được nối cảm biến tiệm cận loại AC thay cho một công tắc như ở hình 1. Nó có thể xảy ra sự cố bởi dòng rò của cảm biến. Hãy nối vào một relay như ở hình số 2.

(Hình 1)



(Hình 2)

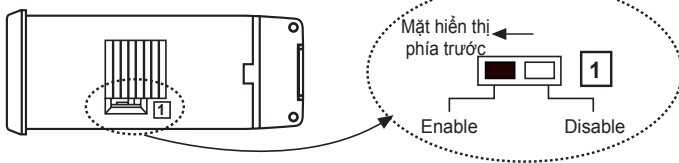


▣ Công tắc cài đặt

◎ SW1 (Công tắc 1)

SW1 sử dụng để Enable/ Disable phím RESET cho mặt hiển thị phía trước.

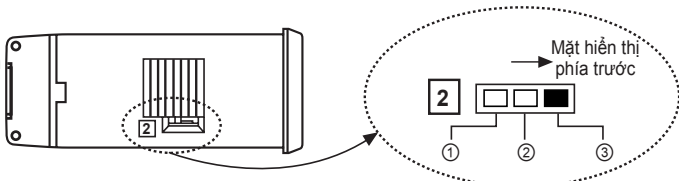
※Mặc định nhà máy: Enable



◎ SW2 (Công tắc 2)

SW2 là công tắc dùng để cài đặt dải thời gian

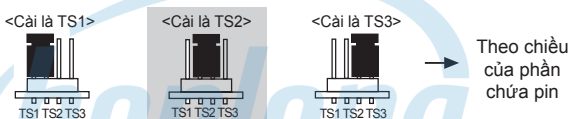
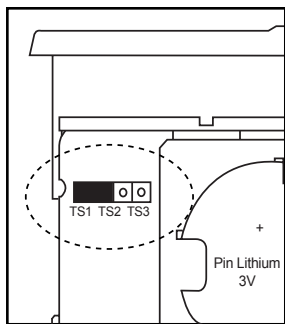
※Mặc định nhà máy: 9999.59.59 (h.m.s)



※ Tham khảo bảng "<Dải thời gian>" của SW3 cho mô tả ①, ②, ③

◎ Cài đặt SW3

SW3 là công tắc dùng để cài đặt thông số thời gian. TS1, TS2, TS3 (※Mặc định nhà máy: TS1)



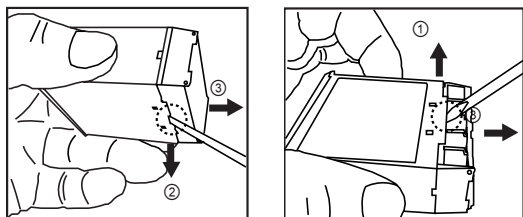
<Dải thời gian>※1

	TS1	TS2	TS3
①	giờ.phút 9999.99.59	giây 99999999	giờ 999999.9h
②	giờ.phút 9999.99.99	ngày.giờ 9999.22.39	giờ.phút 999999.h.59
③	giờ.phút.giây 9999.59.59	ngày.giờ.phút 9999.23.59	giờ.phút 9999.h.59.9

※1: Dải thời gian được cài đặt bằng việc kết hợp SW2, SW3.

▣ Tháo mở vỏ hộp và thay thế pin

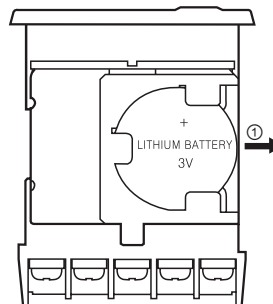
● Tháo mở vỏ hộp



※Dùng công cụ (tuốc-nơ vít) để cạy phần chốt khóa theo hướng ①, ②, rồi kéo rê theo hướng ③ để tách vỏ ra.

⚠Sử dụng công cụ cẩn thận để tránh bị thương.

● Thay thế pin



1. Mở vỏ hộp ra.
2. Đẩy pin lên và lấy ra nó theo hướng ①.
3. Quan sát khi lắp pin mới vào sao cho đúng cực tính rồi ấn nó vào theo hướng ngược chiều với ①.

※Pin được bán riêng.

※Không được đốt pin hoặc cạy mở pin ra.

(A) Photo electric sensor
(B) Fiber optic sensor
(C) Door/Area sensor
(D) Proximity sensor
(E) Pressure sensor
(F) Rotary encoder
(G) Connector/ Socket
(H) Temp. controller
(I) SSR/ Power controller
(J) Counter
(K) Timer
(L) Panel meter
(M) Tacho/ Speed/ Pulse meter
(N) Display unit
(O) Sensor controller
(P) Switching mode power supply
(Q) Stepper motor& Driver&Controller
(R) Graphic/ Logic panel
(S) Field network device
(T) Software
(U) Other